TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/DS-PT
Ngày: 29 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DSST ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2019/QĐPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Lê Thị Như L.

2. Anh Trần Duy K.

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Như L và anh Trần Duy K: Chị Trần Thị Mỹ D; cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2018).

- *Bị đơn:*

1. Chị Lê Thị Như P.

2. Anh Nguyễn Kiên C.

Cùng cư trú tại: Đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M; Cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Mười: Chị Trần Thị Mỹ D; cư trú tại: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Như L, anh Trần Duy K trình bày:

Ngày 18/4/2016, anh Nguyễn Kiên C và chị Lê Thị Như P có mượn của anh chị số tiền 15.000.000 đồng, việc mượn tiền có làm biên nhận do anh C lập. Đến ngày 05/3/2017, anh C và chị P tiếp tục mượn thêm 66.000.000 đồng, việc mượn tiền có làm biên nhận do chị P lập. Khi mượn tiền hai bên không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn mà chỉ thỏa thuận khi nào cần tiền thì báo trước các bị đơn trong thời hạn 01 tháng nhưng các bị đơn không trả tiền cho anh chị.

Nay anh chị yêu cầu các bị đơn phải trả cho anh chị số tiền vốn là 81.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1.5%/tháng, tương ứng tiền lãi yêu cầu đến ngày 18/10/2018 là 24.639.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút phần yêu cầu tính lãi, cụ thể tính từ ngày 19/7/2016 đối với biên nhận ngày 18/4/2016 và từ ngày 01/5/2017 đối với biên nhận ngày 05/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng, tương ứng với số tiền lãi là 34.308.750 đồng.

Tại bản khai ngày 19/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn chị Lê Thị Như P, anh Nguyễn Kiên C trình bày:

Anh chị thừa nhận có mượn của anh K và chị L số tiền 81.000.000 đồng, có lập biên nhận. Tuy trong biên nhận không ghi thời hạn nhưng hai bên thỏa

thuận miệng thời hạn trả tiền là 02 năm và anh chị đã trả tiền cho anh K và chị L xong, cụ thể như sau:

Đối với biên nhận ngày 18/4/2016: Vào thời gian từ ngày 10/8/2016 đến ngày 30/8/2016, anh C chuyển trả cho anh K số tiền 16.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản tại ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Vĩnh Long.

Đối với biên nhận ngày 05/3/2017: Ngày 19/5/2017, anh Cường chuyển trả cho bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột anh K) số tiền 30.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Nguyễn Huệ. Ngoài ra, chị P còn gửi tiền mặt là 10.000.000 đồng cho em ruột Lê Hoàng S đưa cho chị L, số tiền thiếu còn lại là 26.000.000 đồng và số tiền này sau đó nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận khấu trừ nợ với nhau theo bản án hình sự số 80/2018/HSST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên bị đơn không còn nợ tiền nữa. Do đó, anh chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 19/4/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà biết sự việc tranh chấp giữa hai bên phát sinh từ sự việc vay tiền nhưng trước khi các bị đơn mượn tiền của nguyên đơn thì các bị đơn có mượn của bà 30.000.000 đồng, sau đó anh C đã chuyển trả tiền cho bà xong nên bà không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DSST ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471, khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, khoản 4 điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Như L và anh Trần Duy K.

Buộc chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C có nghĩa vụ trả cho chị L và anh K số tiền 99.917.700 đồng (trong đó tiền gốc 81.000.000 đồng, tiền lãi 18.917.700 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị L và anh K về mức lãi vượt quá so với quy định của pháp luật, tương ứng số tiền lãi không được chấp nhận là 15.394.800 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất đã rút của biên nhận ngày 18/4/2016 (từ ngày 18/4/2016 đến ngày 18/7/2016) và của biên nhận ngày 05/3/2017 (từ ngày 05/3/2017 đến ngày 30/4/2017) của chị L và anh K nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 7 năm 2019, bị đơn chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị P và anh C thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Anh C, chị P xác định số tiền nợ 66.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/3/2017 anh chị đã trả cho anh K, chị L hai lần tiền bằng 40.000.000 đồng (bao gồm chuyển khoản nhờ bà M chuyển trả cho anh K ngày 19/5/2017 số tiền 30.000.000 đồng và nhờ anh B em chị P, chị L chuyển thông qua ông Lê Văn T nhận số tiền 10.000.000 đồng), số tiền còn lại 26.000.000 đồng anh chị đồng ý trả tiếp cho anh K, chị L và xin không tính lãi vì khi mượn hai bên không có thỏa thuận lãi. Còn số tiền 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2016 anh đã chuyển khoản trả cho anh K nhận ngày 10/8/2016 và anh yêu cầu khấu trừ số tiền chuyển dư 1.000.000 đồng vào số tiền lãi của khoản tiền còn thiếu 26.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị D đại diện hợp pháp cho anh K thừa nhận có nhận số tiền 16.000.000 đồng và bà M có nhận 30.000.000 đồng do anh C chuyển trả nhưng hai khoản tiền này là khoản nợ khác không liên quan số tiền vay tranh chấp trong vụ án nên không đồng ý khấu trừ theo yêu cầu kháng cáo của anh C, chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo anh C, chị P; Sửa bản án dân sự sơ thẩm và anh C, chị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo anh C, chị P đối với số tiền vay 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2016. Theo chứng từ giao dịch, giấy nộp tiền ngày 10/8/2016 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– Chi nhánh Vĩnh Long và tại công văn số 120/2019/CV.NHNNVL ngày 28/10/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long thể hiện ngày 10/8/2016 anh C có chuyển cho anh K số tiền 16.000.000 đồng và anh K nhận ngày 11/8/2016 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– Chi nhánh Vĩnh Xuân. Anh C cho rằng số tiền trên anh chuyển trả cho anh K đối với số tiền 15.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 18/4/2016, anh chuyển trả cho anh K số tiền 16.000.000 đồng (trong đó dư 1.000.000 đồng nhằm gửi tiền cho con anh K coi như lãi cảm ơn cho mượn tiền). Tại phiên tòa, chị D đại diện hợp pháp cho anh K thừa nhận ngày 11/8/2016 anh K có nhận được số tiền 16.000.000 đồng do anh C chuyển khoản, số tiền này anh C chuyển trả cho khoản nợ khác không liên quan đến số tiền vay ngày 18/4/2016. Tuy nhiên, anh C không thừa nhận có nợ anh K khỏan tiền khác và anh K cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh C còn nợ số tiền 15.000.000 đồng khác.

Măt khác, theo biên nhận mượn tiền ngày 18/4/2016 và đơn khởi kiện ngày 04/10/2018 của anh K, chị L thể hiện số tiền 15.000.000 đồng khi anh C mượn có thỏa thuận thời hạn trả tiền là 3 tháng, tức đến ngày 18/7/2016 đến hạn. Như vậy, đối chiếu về mặt thời gian số tiền 16.000.000 đồng anh C chuyển cho anh K nhận 11/8/2016 là nhằm trả cho số tiền 15.000.000 đồng mượn ngày 18/4/2016 là phù hợp. Ngoài ra, tại phiên tòa anh C, chị P yêu cầu khấu trừ 1.000.000 đồng anh chị chuyển dư để khấu trừ vào số tiền lãi của khoản tiền mượn biên nhận 66.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo anh C, chị P xác định số tiền mượn 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/4/2016 anh Cường đã trả xong cho anh Kiên nhận ngày 11/8/2016.

[2] Xét theo biên nhận nợ ngày 05/3/2017 thể hiện anh C, chị P có mượn của chị L, anh K số tiền 66.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/4/2017 sẽ trả. Anh C cho rằng khi đến hạn trả tiền nhưng vợ chồng anh không có tiền nên anh K, chị L nhiều lần điện thoại đòi và hai bên có xảy ra cự cãi nhau. Sau đó, anh đã chuyển trả cho anh K, chị L hai lần tiền bằng 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại 26.000.000 đồng anh C, chị P đồng ý trả tiếp cho chị L, anh K. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 19/5/2017, anh C chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị M (là mẹ ruột của K) nhờ chuyển trả cho anh K 30.000.000 đồng. Anh C cung

cấp chứng từ giao dịch, giấy nộp tiền ngày 19/5/2017 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– Chi nhánh Vĩnh Long và tại công văn số 120/2019/CV.NHNNVL ngày 28/10/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long thể hiện ngày 19/5/2017 anh C có chuyển cho bà M số tiền 30.000.000 đồng và bà M nhận tiền cùng ngày 19/5/2017 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam– Chi nhánh Trà Ôn. Tuy nhiên, theo bà M xác định bà có nhận số tiền 30.000.000 đồng do anh C chuyển qua tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trà Ôn, bà không nhớ ngày tháng năm nhưng bà cho rằng số tiền trên anh C chuyển trả nợ cho bà khoản nợ khác không liên quan đến số tiền nợ giữa anh K với anh C. Tại phiên tòa, anh C không thừa nhận anh có nợ tiền bà M số tiền 30.000.000 đồng và bà M thì không cung cấp chứng cứ chứng minh việc anh C có nợ bà số tiền 30.000.000 đồng. Anh C thì cho rằng ngày 19/5/2017 trước khi chuyển khoản cho bà M thì anh có gọi điện thoại cho bà M nhờ bà M chuyển trả cho K dùm anh số tiền 30.000.000 đồng và bà M đồng ý chuyển dùm nên nhắn tin số tài khoản cho anh, cuộc nói chuyện giữa anh với bà M anh có ghi âm lại và anh cung cấp cuộc đối thoại cho Tòa án. Tuy nhiên, bà M không thừa nhận giọng nữ trong đoạn ghi âm do anh C cung cấp là giọng nói của bà và đồng ý ngày 25/10/2019 sẽ đến Tòa án để Tòa lập thủ tục thu giọng nói để giám định theo yêu cầu của anh C và cam kết nếu không hợp tác sẽ chịu hậu quả bất lợi đối với chứng cứ ghi âm do anh C cung cấp. Nhưng ngày 25/10/2019 bà M không đến Tòa án để Tòa án tiến hành thu thập giọng nói giám định theo yêu cầu của anh C.

Tại phiên tòa, anh C yêu cầu khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng anh chuyển cho bà M ngày 19/5/2017 vào số nợ anh vay của anh K, chị L ngày 05/3/2017 nhưng chị D đại diện cho anh K không thừa nhận bà M có chuyển cho anh K 30.000.000 đồng trên và anh Kiên cũng không đồng ý khấu trừ số tiền trên vào phần nợ giữa anh K với anh C. Xét đối với số tiền 30.000.000 đồng anh C chuyển khoản cho bà M nhận ngày 19/5/2017 tại cấp sơ thẩm anh C không có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết và tại phiên tòa chị D đại diện bà M không đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ nên không thuộc phạm vi xét xử cấp phúc thẩm. Vì vậy, dành cho anh C, chị P một vụ kiện dân sự khác để kiện bà M đối với số tiền 30.000.000 đồng đã nhận từ anh C ngày 19/5/2017.

Lần thứ hai: chị P gửi tiền mặt là 10.000.000 đồng cho em ruột Lê Hoàng S đưa cho chị L. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm anh C, chị P xác định lại anh chị nhầm lẫn không phải gửi 10.000.000 đồng cho Sơn mà gửi cho anh Lê Tấn B là em ruột chị Phượng nhờ gửi trả chị L nhưng không nhớ chính xác ngày tháng năm. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2019 anh Lê Tấn B thừa nhận trước đây chị Phượng có đưa cho anh 10.000.000 đồng nhờ anh đem về quê trả cho chị L nhưng sau đó anh đem về gửi ông Lê Văn U là cha ruột của anh, chị P, chị

L nhờ chuyển trả cho chị L và sau đó ông U xác nhận đã chuyển cho chị L số tiền 10.000.000 đồng xong. Tại bản khai ngày 24/10/2019 ông Lê Văn U thừa nhận trước đây ông có nhận của anh B 10.000.000 đồng do chị P nhờ chuyển trả cho chị L và sau đó ông đã trực tiếp đưa đủ số tiền trên cho L nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh K, chị L không thừa nhận có nhận số tiền 10.000.000 đồng trên. Anh C, chị P thì không cung cấp dược chứng cứ khác chứng minh đã trả 10.000.000 đồng. Do đó, dành cho anh C vụ kiện dân sự khác tranh chấp anh B, ông U về số tiền 10.000.000 đồng khi có yêu cầu.

Như vậy, như nhận định phần trên đối với số tiền 66.000.000 đồng anh C, chị P cho rằng đã chuyển trả cho anh K, chị L thông qua người khác số tiền 40.000.000 đồng nhưng phía anh K, chị L không thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh C và chị P khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng vào số tiền nợ vay theo biên nhận ngày 05/3/2017 giữa anh K, chị L với anh C, chị P.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của anh C, chị P. Buộc anh C, chị P trả số tiền vốn và lãi cho anh K, chị L như sau: 66.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng 15 ngày (từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/7/2019) = 14.516.700 đồng. Khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng anh C trả thừa trong số tiền vay 15.000.000 đồng nên phần lãi anh C, chị P còn phải trả là: 13.516.700 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là: 79.516.700 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Do chấp nhận một phần kháng cáo của chị P, anh C nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại như sau: số tiền 79.516.700 đồng x 5% = 3.975.800 đồng.

Anh K, chị L phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện về tiền vốn, lãi không được chấp nhận. Số tiền 26.122.000 đồng x 5% = 1.306.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp sẽ được khấu trừ.

Anh C, chị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp sẽ được khấu trừ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về không chấp nhận yêu cầu của chị L và anh K về mức lãi vượt quá so với quy định của pháp luật, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của biên nhận ngày 18/4/2016 (từ ngày 18/4/2016 đến ngày 18/7/2016) và biên nhận ngày 05/3/2017 (từ ngày 05/3/2017 đến ngày 30/4/2017) không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Kiên C và Lê Thị Như Phượng; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DSST ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 471, khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, khoản 4 điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Như L và anh Trần Duy K.

Buộc chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Như L và anh Trần Duy K số tiền vốn, lãi bằng 79.516.700 đồng (trong đó tiền vốn 66.000.000 đồng, tiền lãi 13.516.700 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự: Chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.975.800 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 4753 và 4754 ngày 31/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc anh C và chị P nộp tiếp số tiền 3.375.800 đồng.

Chị Lê Thị Như L và anh Trần Duy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.306.000 đồng. Số tiền 1.100.000 đồng anh K nộp tạm ứng theo biên lai thu số 4079, ngày 09/11/2018; chị L nộp 1.100.000 đồng theo biên lai thu số 4078 ngày 09/11/2018 và số tiền 450.000 đồng chị L, anh K nộp theo biên lai thu số 4191 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho anh K và chị L số tiền còn lại: 1.344.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về không chấp nhận yêu cầu của chị L và anh K về mức lãi vượt quá so với quy định của pháp luật, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của biên nhận ngày 18/4/2016 (từ ngày 18/4/2016 đến ngày 18/7/2016) và biên nhận ngày 05/3/2017 (từ ngày 05/3/2017 đến ngày

30/4/2017) không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Dành cho chị Lê Thị Như P và anh Nguyễn Kiên C có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị M một vụ kiện dân sự khác đối với số tiền 30.000.000 đồng mà bà M đã nhận của anh C ngày 19/5/2017 và kiện anh Lê Tấn B, ông Lê Văn U số tiền 10.000.000 đồng khi có yêu cầu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 05;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca